

**HIỆP ĐỊNH**  
**DƯỚI HÌNH THỨC TRAO ĐỔI THƯ SỬA ĐỔI HIỆP ĐỊNH GIỮA**  
**CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM VỀ BUÔN BÁN HÀNG DỆT MAY, KÝ**  
**TẮT NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 1992 SỬA ĐỔI LẦN GẦN ĐÂY NHẤT DƯỚI HÌNH**  
**THỨC TRAO ĐỔI THƯ KÝ TẮT NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 1997**  
**Ngày 31 tháng 03 năm 2000**

**Thư số 1**

**Thư của ủy ban liên minh Châu Âu**

Thưa Ngài,

1. Tôi xin hân hạnh đề cập tới các cuộc đàm phán diễn ra từ ngày 27 đến 31 tháng 3 năm 2000 giữa hai phái đoàn chúng Tôi án nhằm sửa đổi Hiệp định buôn bán hàng dệt may giữa Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký tắt ngày 15-12-1992 và áp dụng từ ngày 1-1-1993, như đã sửa đổi gần đây nhất bằng Hiệp định dưới hình thức trao đổi thư ký tắt ngày 17-11-1997 dưới đây gọi là "Hiệp định".

2. Kết quả đàm phán là hai Bên đã thỏa thuận sửa đổi Hiệp định như sau:

Bản văn điều 3 được thay thế như sau:

"Điều 3

1. Việt Nam hạn chế xuất khẩu vào Cộng đồng những sản phẩm liệt kê trong phụ lục II tới số lượng được ấn định cho mỗi năm Hiệp định.

Trong việc phân bổ hạn ngạch xuất khẩu vào Cộng đồng, Việt Nam sẽ không phân biệt đối xử đối với các Công ty do các nhà đầu tư Cộng đồng sở hữu toàn bộ hay một phần.

2. Việc xuất khẩu sản phẩm dệt may liệt kê tại phụ lục II sẽ được điều chỉnh bởi một hệ thống kiểm tra kép như quy định tại Nghị định thư A.

3. Trong quản lý hạn ngạch nêu tại đoạn 1, Việt Nam bảo đảm rằng công nghiệp dệt may của Cộng đồng được hưởng lợi từ việc sử dụng những hạn ngạch như vậy.

Đặc biệt, Việt Nam cam kết ưu tiên dành 30% hạn ngạch cho các doanh nghiệp thuộc công nghiệp dệt may trong thời hạn 4 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 hàng năm. Nhằm mục đích này, các hợp đồng ký với các doanh nghiệp nói trên trong thời hạn đã nêu và được đệ trình lên các nhà chức trách Việt Nam trong thời hạn đó sẽ được xem xét.

4. Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện những quy định nêu trên, trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Cộng đồng sẽ trao cho Cơ quan thẩm quyền Việt Nam danh sách các nhà sản xuất và chế tác liên quan và nêu số lượng sản phẩm từng doanh nghiệp yêu cầu. Để đạt được điều này, các doanh nghiệp liên quan phải liên hệ trực tiếp với tổ chức hữu quan Việt Nam trong thời hạn quy định tại đoạn 3, để xác định số lượng hiện có theo ưu tiên dành riêng nêu ở đoạn 3.

5. Theo quy định của Hiệp định này và không phương hại đến hệ thống hạn ngạch áp dụng đối với các sản phẩm gia công nêu ở điều 4. Cộng đồng cam kết ngừng áp dụng hạn chế số lượng hiện hành đối với các sản phẩm do Hiệp định này điều chỉnh.

6. Xuất khẩu các sản phẩm nêu ở Phụ lục IV của Hiệp định không bị hạn chế số lượng sẽ được điều chỉnh bởi hệ thống kiểm tra kép nêu tại nêu tại đoạn 2".

7. Nếu trong trường hợp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới trước ngày Hiệp định này hết hạn thì hạn ngạch đang áp dụng sẽ được loại bỏ dần theo Hiệp định của Tổ chức Thương mại thế giới về hàng dệt may và theo nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới.

Bản văn của Điều 19 đoạn 1 được thay thế như sau:

"1. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp ngày mà các bên ký Hiệp định thông báo cho nhau rằng thủ tục cần thiết cho mục đích này đã hoàn tất. Hiệp định có hiệu lực cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2002. Sau đó việc áp dụng Hiệp định sẽ được tự động gia hạn thêm 01 năm, trừ trường hợp một Bên thông báo chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2002 cho Bên kia không đồng ý với việc gia hạn.

Trong trường hợp gia hạn Hiệp định đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 hạn ngạch đối với các chủng loại sản phẩm quy định tại Phụ lục II cho năm 2003 sẽ là số lượng ấn định tại các Phụ lục này cho năm 2002 cộng thêm phần trăm gia tăng áp dụng cho mỗi chủng loại sản phẩm giữa năm 2001 và 2002.

Phụ lục I của Hiệp định được thay thế bằng Phụ lục A của thư này. Phụ lục II của Hiệp định được thay thế bằng Phụ lục B của thư này. Phụ lục của Nghị định thư B của Hiệp định được thay thế bằng Phụ lục C của thư này. Một biên bản thỏa thuận về hạn ngạch công nghiệp được kèm theo Phụ lục D của thư này. Đoạn 4 của biên bản thỏa thuận về thâm nhập thị trường Việt Nam của sản phẩm dệt may xuất xứ tại Cộng đồng Châu Âu được thay thế bởi bản văn tại Phụ lục E của thư này. Phụ lục F của thư này trở thành Phụ lục III của Biên bản thỏa thuận về thâm nhập thị trường Việt Nam của hàng dệt may có xuất xứ tại Cộng đồng Châu Âu. Biên bản về hai Bên mở cửa thị trường cho nhau được kèm theo Phụ lục G của thư này. Biên bản về phân bổ hạn ngạch công nghiệp cho năm 2000 được kèm theo Phụ lục H của thư này.

4. Đề nghị Ngài xác nhận sự đồng ý của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với các sửa đổi trên. Trong trường hợp đó, thư này và các bản Phụ lục kèm theo, cùng với văn bản xác nhận của Ngài sẽ tạo thành một Hiệp định dưới hình thức Trao đổi thư giữa Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp ngày mà Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông báo cho nhau rằng thủ tục nội bộ cần thiết cho mục đích này đã hoàn tất. Trong thời gian đó, các sửa đổi của Hiệp định sẽ được áp dụng tạm thời từ ngày 15 tháng 6 năm 2000 với điều kiện cả hai Bên cùng áp dụng.

## Thư số 2

### Thư của Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Thưa Ngài,

Tôi hân hạnh báo Ngài tôi đã nhận được thư của Ngài đề ngày ... có nội dung như sau:

1. Tôi xin hân hạnh đề cập tới các cuộc đàm phán diễn ra từ ngày 27 đến 31 tháng 3 năm 2000 giữa hai phái đoàn chúng ta nhằm sửa đổi Hiệp định buôn bán hàng dệt may giữa Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký tắt ngày 15 tháng 12 năm 1992 và áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 1993, như đã sửa đổi gần đây nhất bằng Hiệp định dưới hình thức trao đổi thư ký tắt ngày 17 tháng 11 năm 1997 dưới đây gọi là "Hiệp định".

2. Kết quả đàm phán là hai Bên đã thỏa thuận sửa đổi Hiệp định như sau:

· Bản văn điều 3 được thay thế như sau:

"Điều 3

1. Việt Nam đồng ý hạn chế xuất khẩu vào Cộng đồng những sản phẩm liệt kê trong Phụ lục II tới số lượng được ấn định cho mỗi năm Hiệp định.

Trong việc phân bổ hạn ngạch xuất khẩu vào Cộng đồng, Việt Nam sẽ không phân biệt đối xử với các Công ty do các nhà đầu tư Cộng đồng sở hữu toàn bộ hay một phần.

2. Việc xuất khẩu sản phẩm dệt may liệt kê tại Phụ lục II sẽ được điều chỉnh bởi một hệ thống kiểm tra kép như quy định tại Nghị định thư A.

3. Trong quản lý hạn ngạch nêu tại đoạn 1, Việt Nam bảo đảm rằng công nghiệp dệt may của Cộng đồng được hưởng lợi từ việc sử dụng những hạn ngạch như vậy.

Đặc biệt Việt Nam cam kết ưu tiên dành 30% hạn ngạch cho các doanh nghiệp thuộc công nghiệp dệt may trong thời hạn 4 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 hàng năm. Nhằm mục đích này, các hợp đồng ký với các doanh nghiệp nói trên trong thời hạn đã nêu và được đệ trình lên các nhà chức trách Việt Nam trong thời hạn đó sẽ được xem xét.

4. Để tạo thuận lợi cho việc thực hiện những quy định nêu trên, trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Cộng đồng sẽ trao cho cơ quan thẩm quyền Việt Nam danh sách các nhà sản xuất và chế tác liên quan và nêu số lượng sản phẩm từng doanh nghiệp yêu cầu. Để đạt được điều này, các doanh nghiệp liên quan phải liên hệ trực tiếp với tổ chức hữu quan Việt Nam trong thời hạn quy định tại đoạn 3, để xác định số lượng hiện có theo ưu tiên dành riêng nêu ở đoạn 3.

5. Theo quy định của Hiệp định này và không phương hại đến hệ thống hạn ngạch áp dụng đối với các sản phẩm gia công nêu ở điều 4. Cộng đồng cam kết ngừng áp dụng hạn chế số lượng hiện hành đối với các sản phẩm do Hiệp định này điều chỉnh.

6. Xuất khẩu các sản phẩm nêu ở Phụ lục IV của Hiệp định không bị hạn chế số lượng sẽ điều chỉnh bởi hệ thống kiểm tra kép nêu tại đoạn 2".

7. Nếu trong trường hợp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới trước ngày Hiệp định này hết hạn thì hạn ngạch đang áp dụng sẽ được loại bỏ dần theo Hiệp định của Tổ chức Thương mại thế giới về hàng dệt may và theo nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới.

2.2. Bản văn của Điều 19 đoạn 1 được thay thế như sau:

"1. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp ngày mà các bên ký Hiệp định thông báo cho nhau rằng thủ tục cần thiết cho mục đích đã hoàn tất. Hiệp định có hiệu lực cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2000. Sau đó việc áp dụng Hiệp định sẽ được gia hạn thêm một năm, trừ trường hợp một Bên thông báo chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2002 cho Bên kia không đồng ý với việc gia hạn.

Trong trường hợp gia hạn Hiệp định đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 hạn ngạch đối với các chủng loại sản phẩm quy định tại Phụ lục II cho đến năm 2003 sẽ là số lượng ấn định tại các Phụ lục này cho năm 2002 cộng thêm phần trăm gia tăng áp dụng cho mỗi chủng loại sản phẩm giữa năm 2001 và 2002.

Phụ lục I của Hiệp định được thay thế bằng Phụ lục A của thư này. Phụ lục II của Hiệp định được thay thế bằng Phụ lục B của thư này. Phụ lục của Nghị định thư B của Hiệp định được thay thế bằng Phụ lục C của thư này. Một biên bản thỏa thuận về hạn ngạch công nghiệp được kèm theo Phụ lục D của thư này. Đoạn 4 của biên bản thỏa thuận về thâm nhập thị trường Việt Nam của sản phẩm dệt may xuất xứ tại Cộng đồng Châu Âu được thay thế bởi bản văn tại Phụ lục E của thư này. Phụ lục F của thư này trở thành Phụ lục III của Biên bản thỏa thuận về thâm nhập thị trường Việt Nam của hàng dệt may có xuất xứ từ Cộng đồng Châu Âu. Biên bản về hai Bên mở cửa thị trường cho nhau được kèm theo Phụ lục G của thư này.

3.0 Biên bản về phân bổ hạn ngạch công nghiệp cho năm 2000 được kèm theo phụ lục H của thư này.

4. Đề nghị Ngài xác nhận sự đồng ý của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với các sửa đổi trên. Trong trường hợp đó, thư này và các bản Phụ lục kèm theo, cùng với văn bản xác nhận của Ngài sẽ tạo thành một Hiệp định dưới hình thức Trao đổi thư giữa Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp ngày mà Cộng đồng Châu Âu và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông báo cho nhau rằng thủ tục nội bộ cần thiết cho mục đích đã hoàn tất. Trong thời gian đó, các sửa đổi của Hiệp định sẽ được áp dụng tạm thời từ ngày 15 tháng 6 năm 2000 với điều kiện cả hai Bên cùng áp dụng.

Trân trọng kính chào Ngài"

Tôi hân hạnh xác nhận rằng Chính phủ tôi đồng ý với nội dung thư của Ngài.

Trân trọng kính chào Ngài.

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

## **Biên bản thỏa thuận về hạn ngạch công nghiệp**

Trong khuôn khổ của Hiệp định dưới hình thức trao đổi thư giữa Cộng đồng Châu Âu và CHXHCN Việt Nam ký tắt ngày 31 tháng 3 năm 2000 sửa đổi Hiệp định giữa Cộng đồng kinh tế Châu Âu và CHXHCN Việt Nam về buôn bán hàng dệt may sửa đổi lần gần đây nhất bằng các thỏa thuận ký tắt ngày 17/11/1997, CHXHCN Việt Nam ghi nhận sự quan tâm của Cộng đồng Châu Âu về việc áp dụng Điều 3, đoạn 1, 3 và 4. Nhằm tăng cường hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau và hợp tác trong lĩnh vực này, hai Bên đã nhất trí áp dụng các thủ tục sau đây cho việc cấp hạn ngạch công nghiệp:

- Các cơ quan của Cộng đồng Châu Âu sẽ cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam một danh mục các doanh nghiệp của Cộng đồng được hưởng hạn ngạch công nghiệp.
- Các doanh nghiệp của Cộng đồng Châu Âu sẽ tiếp xúc với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam để ký hợp đồng với các nhà sản xuất và các nhà xuất khẩu Việt Nam.
- Các nhà sản xuất và xuất khẩu Việt Nam sẽ nộp đơn xin hạn ngạch công nghiệp và hợp đồng cho các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.
- Trong khuôn khổ về số lượng của hạn ngạch công nghiệp, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam sẽ cấp hạn ngạch cho các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu Việt Nam trong thời hạn quy định và theo qui chế rõ ràng.
- Sau đó, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam sẽ cấp giấy phép xuất khẩu để cho phép thực hiện các hợp đồng mua hàng của các doanh nghiệp Cộng đồng Châu Âu có tên trong danh mục do các cơ quan của Cộng đồng cung cấp.

Để thực hiện điều trên, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cam kết sẽ:

- Thực hiện việc cấp hạn ngạch công nghiệp kịp thời và không phân biệt đối xử.
- Cung cấp danh sách các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Cung cấp các văn bản về quy chế cấp hạn ngạch công nghiệp ngay sau khi đã công bố.
- Bảo đảm các giấy phép xuất khẩu được cấp trong khuôn khổ quy định này có in chữ "Hạn ngạch công nghiệp".
- Hàng năm trước ngày 1/4 cung cấp thống kê riêng về số lượng đơn yêu cầu và số lượng giấy phép đã cung cấp năm trong hạn ngạch công nghiệp.
- Hợp tác với các cơ quan của Cộng đồng Châu Âu nhằm đảm bảo các giấy phép xuất khẩu được cấp đúng quy định của hạn ngạch công nghiệp sẽ được xác định trong khuôn khổ của chương trình trao đổi thông tin qua hệ thống máy tính SIGL.
- Sẽ tổ chức các cuộc thám khảo nhằm tìm ra một giải pháp mà hai bên có thể chấp nhận trong trường hợp có khó khăn trong việc áp dụng hạn ngạch công nghiệp.

Bản văn của đoạn 4 của Biên bản thỏa thuận về thâm nhập thị trường Việt Nam của sản phẩm dệt may xuất xứ tại Cộng đồng Châu Âu được thay thế bởi bản văn sau đây:

"4. Đối với biểu thuế nhập khẩu hiện đang áp dụng đối với hàng dệt may của Cộng đồng. Phía Việt Nam cam kết trình Quốc hội phê duyệt các biện pháp sau đây nhằm giảm thuế nhập khẩu vào thị trường Việt Nam của các sản phẩm dệt may của Cộng đồng:

a, Giảm dần và không hủy ngang theo lịch trình trong 10 năm, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1996, để đạt mức thuế sau đây:

Quần áo	30%
Vải và hàng may	20%
Sợi	12%
Xơ	7%

Việc giảm thuế nói trên được ưu tiên áp dụng cho các sản phẩm ghi ở Phụ lục II của Biên bản thỏa thuận này.

b, Đối với các sản phẩm dệt may ghi tại Phụ lục III của Biên bản thỏa thuận này, phía Việt Nam cam kết tiến hành giảm thuế dần dần và không hủy ngang, theo từng giai đoạn 2 năm một lần. Trong vòng 6 năm kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2000, để đạt mức thuế sau đây:

Quần áo	30%
Vải và hàng may	20%
Sợi	12%
Xơ	7%

Các cuộc tham vấn về vấn đề này phải được tổ chức muộn nhất vào ngày 31 tháng 10 năm 2000.

Trong trường hợp giả thiết rằng trong cuộc tham vấn nói trên phía Cộng đồng Châu Âu nhận thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không thực hiện các bước giảm thuế thì các điều khoản đã được sửa đổi của Hiệp định này bị coi là không có hiệu lực và Hiệp định với nội dung hiện hành trước ngày ký tắt lại được hai Bên áp dụng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2001.

### **III. Nghị định thư năm 1979 sửa đổi, bổ sung cho công ước quốc tế để thống nhất một số quy tắc về vận đơn đường biển, 1924, đã được nghị định thư năm 1968 bổ sung (Nghị định thư SDR 1979)**

Các bên ký kết Nghị định thư này, là các bên tham gia Công ước quốc tế để thống nhất một số quy tắc luật pháp liên quan đến vận đơn đường biển, ký tại Brussels ngày 25 tháng 08 năm 1924, đã được Nghị định thư sửa đổi Công ước này, ký tại Brussels ngày 23 tháng 02 năm 1968, bổ sung, sửa đổi.

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1:

Nhằm mục đích của Nghị định thư này, "Công ước" có nghĩa là Công ước quốc tế để thống nhất một số quy tắc luật pháp về vận đơn đường biển và Nghị định thư ký kết Công ước này, ký tại Brussels ngày 25 tháng 08 năm 1924, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định thư làm tại Brussels ngày 23 tháng 02 năm 1968.

Điều 2:

(1) Điều 4, mục 5 (a) của Công ước được thay như sau:

"(a) Trừ phi tính chất và trị giá hàng hóa đó đã được người gửi hàng khai trước khi xếp hàng và có ghi vào vận đơn, cả người chuyên chở và tàu trong bất cứ trường hợp nào đều không chịu trách nhiệm về mất mát, hư hỏng của hàng hóa hoặc liên quan đến hàng hóa với một số tiền vượt quá 666,67 đơn vị tính toán cho một kiện hay đơn vị hoặc 2 đơn vị tính toán cho một kilô trọng lượng hàng hóa cả bị bị mất mát, hư hỏng, tùy theo cách tính nào cao hơn".

· Điều 4, mục 5, của Công ước được thay như sau:

"(d) Đơn vị tính toán nói trong Điều này là Quyền Rút vốn Đặc biệt (Special Drawing Right) do Quỹ Tiền Tệ Quốc tế định nghĩa. Những số nói ở tiểu mục (a) của đoạn này sẽ được quy đổi ra tiền quốc gia trên cơ sở giá trị đồng tiền đó vào ngày do luật của Tòa án thụ lý vụ việc quyết định.

Giá trị đồng tiền của một nước là thành viên Quỹ Tiền tệ Quốc tế, tính theo đồng SDR, sẽ được tính toán theo cách tính giá trị của Quỹ Tiền tệ Quốc tế có hiệu lực vào ngày thực hiện việc chuyển đổi thứ tiền đó. Giá trị đồng tiền của một nước không phải là thành viên Quỹ Tiền tệ Quốc tế, tính bằng đồng SDR, sẽ được tính theo cách của nước đó quyết định.

Tuy nhiên, một nước không phải là thành viên Quỹ Tiền tệ Quốc tế và luật pháp của nước đó không cho phép áp dụng những quy định của đoạn nêu trên, có thể, vào lúc phê chuẩn hay tham gia Nghị định thư 1979 hay vào bất cứ lúc nào sau đó, tuyên bố là các giới hạn trách nhiệm quy định trong Công ước này được áp dụng trên lãnh thổ của mình như sau:

(i) Đối với số tiền 666,67 đơn vị tính toán nói ở tiểu mục (a) của mục 5, Điều này là 10.000 đơn vị tiền tệ.

(ii) Đối với số tiền 2 đơn vị tính toán nói ở tiểu mục (a) mục 5 Điều này, là 30 đơn vị tiền tệ.

Đơn vị tiền tệ nói trong câu trên tương đương với 65,5 miligram vàng có độ nguyên chất 900/1000. Việc quy đổi các số tiền nói trong câu này ra tiền quốc gia được thực hiện theo pháp luật của quốc gia liên quan.

Việc tính toán và quy đổi trong các câu trên được thực hiện theo phương cách nào đó để thể hiện bằng đồng tiền quốc gia càng gần càng tốt với giá trị thực tế của các số tiền bằng đơn vị tính toán nói ở tiểu mục (a) mục 5 Điều này.

Các quốc gia sẽ liên hệ với người lưu giữ về cách thức tính toán và kết quả quy đổi, tùy từng trường hợp, khi gửi văn bản phê chuẩn Nghị định thư 1979 hay văn bản tham gia Nghị định thư và cả khi có thay đổi trong việc phê chuẩn hay tham gia.

Điều 3:

Bất cứ tranh chấp nào giữa hai hay nhiều bên ký kết liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Nghị định thư này, mà không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ được đưa ra trọng tài theo yêu cầu của một bên đương sự. Nếu trong vòng 6 tháng kể từ ngày yêu cầu trọng tài xét xử mà các bên không thể thỏa thuận được việc tổ chức trọng tài, thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án quốc tế theo đúng quy chế của Tòa.

Điều 4:

(1) Mỗi bên ký kết có thể, vào lúc ký kết hay phê chuẩn Nghị định thư này hoặc gia nhập Nghị định thư, tuyên bố rằng bên đó không bị ràng buộc bởi Điều 3.

(2) Bất cứ bên nào đã thực hiện việc bảo lưu phù hợp với đoạn (1) Có thể, vào bất cứ lúc nào, rút lui việc bảo lưu bằng cách thông báo cho Chính phủ Bỉ.

Điều 5:

Nghị định thư này sẽ đề ngỏ cho các nước đã ký Công ước ngày 25/08/1924 hoặc Nghị định thư ngày 23/02/1968 hoặc các nước là thành viên của Công ước, ký kết.

Điều 6:

(1) Nghị định thư này sẽ được phê chuẩn.

(2) Việc phê chuẩn Nghị định thư bởi các nước không phải là thành viên Công ước sẽ có hiệu lực như phê chuẩn Công ước.

Văn bản phê chuẩn sẽ được lưu giữ tại Chính phủ Bỉ.

Điều 7:



(1) Các nước không đề cập ở Điều 5 có thể gia nhập Nghị định thư này.

Việc gia nhập Nghị định thư này cũng có hiệu lực như gia nhập Công ước. Văn bản gia nhập sẽ được lưu giữ tại Chính phủ Bỉ.

Điều 8:

(1) Nghị định thư này sẽ có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày có 5 văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập.

(2) Đối với mỗi nước đã phê chuẩn hoặc gia nhập Nghị định thư sau khi đã có bản lưu giữ thứ 5, Nghị định này sẽ có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày có 5 văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập.

Điều 9:

(1) Bất kỳ nước thành viên nào cũng có thể bãi miễn Công ước này bằng cách thông báo cho Chính phủ Bỉ.

(2) Việc bãi miễn Công ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày Chính phủ Bỉ nhận được thông báo miễn ước.

(Điều 10, 11 nói về thủ tục gia nhập, lưu giữ xin xem bản tiếng Anh).

Nghị định thư này làm tại Brussels ngày hôm nay 21 tháng 12 năm 1979, bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, có giá trị như nhau, thành một bản duy nhất, được lưu giữ tại văn phòng lưu trữ của Chính phủ Bỉ, nơi sẽ phát hành các bản sao.